

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

NÉT RIÊNG TRONG TƯ DUY THƠ TRUNG ĐẠI VÀ THƠ MỚI THỂ HIỆN QUA ẪN DỤ Ý NIỆM “TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI”

TRẦN VĂN NAM*

TÓM TẮT: Bài nghiên cứu tìm hiểu cách thức ý niệm hoá tình yêu của các nhà thơ trung đại và các nhà thơ mới được thể hiện qua ẩ dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI. Từ đó, bài viết cũng chỉ ra nét riêng trong tư duy thơ trung đại và thơ mới được thể hiện qua ẩ dụ ý niệm này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thơ trung đại thiên về lối miêu tả ước lệ, tượng trưng theo một phong cách chung còn thơ mới nhấn mạnh cảm xúc cá nhân trực tiếp và cá nhân hoá phong cách.

TỪ KHOÁ: Ẩn dụ ý niệm; tình yêu; thơ; miền Nguồn; miền Đích; “TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI”.

NHẬN BÀI: 20/03/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/07/2026

1. Mở đầu

Ra đời trong giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, thơ trung đại được sáng tác theo khuôn mẫu chung với phong cách ước lệ tượng trưng: Hình ảnh thơ có tính quy ước, mang ý nghĩa biểu tượng vượt ra ngoài bản thân nó. Chẳng hạn, khi nói đến sự gần gũi của trai gái trong yêu đương các tác giả dùng những hình ảnh gần gũi với con người như chăn chiếu, quần áo để gợi tả: *Lấy chồng com tấm vải dầy/ Sống thời chăn gối, thác rày thủy chung* (Tống Trân Cúc Hoa - Khuyết danh).

Với thơ mới, cá tính sáng tạo của nhà thơ được khẳng định, các sáng tác mang phong cách cá nhân rõ nét. Hình ảnh thơ chân thực, không khuôn mẫu, không quy ước, thơ chính là sự hiện thực hoá sinh động của cuộc sống như nó vốn có. Ví dụ, khi nói đến tình yêu lứa đôi, trong sáng tác của các nhà thơ mới, độc giả thấy những hành động ôm, ghì, quấn, kè,... của hai thân thể. Đó là sự va chạm của xác thịt: *Rồi em sẽ dịu anh trên cánh khôi/ Đưa hồn say về tận cuối trời quên* (Quên - Vũ Hoàng Chương).

Thơ trung đại và thơ mới đều giàu hình ảnh, cùng đề cao giá trị con người. Tuy nhiên, hai luồng tư tưởng tạo nên hai xu hướng thơ khác nhau về phong cách biểu đạt. Bài nghiên cứu tìm hiểu ẩ dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI để thấy được nét riêng trong tư duy sáng tạo của các thi nhân ở hai giai đoạn sáng tác khác nhau khi ý niệm hoá tình yêu.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Trên thế giới

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu ẩ dụ ý niệm về tình yêu. Lakoff và Johnson (1980) cùng với Kövecses (1986; 1988; 2000) đã thiết lập được 24 ẩ dụ ý niệm về tình yêu có tính điển hình, các miền Nguồn cụ thể là: SỰ RÀNG BUỘC, ĐỘNG VẬT BỊ NUÔI NHỐT, SỰ GẦN GŨI, VẬT CHỨA, BỆNH TẬT, TRAO ĐỔI KINH TẾ, LỬA, CHẤT LỎNG TRONG VẬT CHỨA, VẬT THỂ BỊ GIẤU, HÀNH TRÌNH, CƠ THỂ SỐNG, SỰ ĐIÊN RỒ/ MẤT TRÍ, MA THUẬT, CHẤT DINH DƯỠNG, SỨC MẠNH TỰ NHIÊN, ĐỐI THỦ, BỆNH 13 NHÂN, SỨC MẠNH VẬT LÍ, SỰ NGÂY NGẤT, ĐẮNG BỀ TRÊN, THỂ THAO/ TRÒ CHƠI, SỰ HOÀ HỢP CỦA HAI NỬA, HÀNG HÓA CÓ GIÁ TRỊ VÀ CHIẾN TRANH. (dẫn theo Đinh Thị Hương, 2023, tr.13-14). Trong nghiên cứu của Zhang (2012), một số ẩ dụ ý niệm mới về tình yêu xuất hiện, ví dụ: TÌNH YÊU LÀ THỜI TIẾT, CẢM XÚC LÀ MÙ QUÁNG, HẠNH PHÚC LÀ ÁNH SÁNG... Tiếp đó có thể kể đến nhà nghiên cứu Ngamjitwongsakul (2005), tác giả đã khảo sát 3.615 bài hát hiện đại của Thái Lan giai đoạn 1983-2000 và tổng hợp được 502 biểu thức chứa ẩ dụ ý niệm về tình yêu, được phân loại thành 22 kiểu, trong đó có một số kiểu phổ biến như: TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI, TÌNH

*Đại học Phenikaa; Email: nam.tranvan@phenikaa-uni.edu.vn

YÊU LÀ THỰC VẬT, TÌNH YÊU LÀ CUỘC CHIẾN, TÌNH YÊU LÀ SỰ TRAO ĐỔI KINH TẾ...... công trình nghiên cứu cũng chỉ ra một số kiểu ẩn dụ ý niệm mới nói về tình yêu như: **TÌNH YÊU LÀ MỘT CHIẾC XE HƠI, TÌNH YÊU LÀ MỘT CHUYẾN TÀU VÀ TÌNH YÊU LÀ MỘT CON THUYỀN**.

Như vậy, có thể thấy rằng, nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về tình yêu trên thế giới đã có nhiều thành tựu. Bên cạnh những ẩn dụ ý niệm về tình yêu mang tính phổ quát thì cũng còn có những ẩn dụ ý niệm về tình yêu có tính riêng lẻ mang đặc trưng văn hoá dân tộc.

2.2. Ở Việt Nam

Các tác giả có công trình nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về tình yêu có thể kể đến: Lưu Trọng Tuấn (2009) với bài viết *Ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong thơ ca*, Nguyễn Thị Hà (2010) với *Bước đầu khảo sát ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong ca dao người Việt*, Ngũ Thiện Hùng và Trần Thị Thanh Thảo (2011) với *The semantics of metaphors of love in English and Vietnamese songs (Ngữ nghĩa của các ẩn dụ về tình yêu trong các bài hát tiếng Anh và tiếng Việt)*, Ly Lan (2012) với *Ngữ nghĩa và cơ sở tri nhận của các từ biểu đạt tình cảm trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt)*,... trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả Ly Lan đã tổng hợp được 20 miền Nguồn phổ biến được chiếu xạ đến tình yêu trong tiếng Anh và tiếng Việt: **CHẤT DINH DƯỠNG, CUỘC HÀNH TRÌNH, NHIỆT, SỰ HOÀ HỢP CỦA HAI NỬA, CHẤT LỎNG TRONG VẬT CHỨA, VẬT CHỨA, SỰ GẮN GỬI, SỰ GẮN KẾT/ RẮNG BUỘC, SỰ TRAO ĐỔI KINH TẾ, SỨC MẠNH THIÊN NHIÊN, LỰC VẬT LÝ, ĐỐI THỦ, CON VẬT BỊ NHỐT, CUỘC CHIẾN, TRÒ CHƠI, MA LỰC, BỆNH TẬT, SỰ MẤT TRÍ, CAO HỨNG, ĐÁNG BỀ TRÊN**. Tuy nhiên, ngoài những ẩn dụ ý niệm về tình yêu mang tính phổ biến đó, trong thi ca Việt Nam còn có những miền Nguồn mang đặc trưng dân tộc Việt chẳng hạn như: **SỢI TƠ, KHÚC CA, DÒNG SÔNG**,... điều đó cho thấy tư duy dân tộc Việt hoà nhập vào tư duy chung của nhân loại nhưng không hề hoà tan.

Có thể thấy, những công trình nghiên cứu trên, các tác giả tập trung nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong thơ hiện đại, trong âm nhạc, trong văn học dân gian, chưa có công trình nào nghiên cứu về thơ ca trung đại theo lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận và đặc biệt những nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong thơ trung đại hoặc là so sánh ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong thơ trung đại và thơ mới lại càng hạn chế. Theo hướng nghiên cứu này, chúng tôi đã có một số bài viết: *Nét riêng khi sử dụng chất liệu kiến tạo miền Nguồn trong các ẩn dụ ý niệm về tình yêu (qua Thơ trung đại và Thơ mới)*, (2017); *Ẩn dụ cấu trúc về tình yêu trong Truyện Kiều*, (2018); Nguyễn Du và Nguyễn Bính: *nét riêng trong sáng tạo ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ”*, (2025).

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Qua khảo sát 1.021 bài thơ trung đại của 191 tác giả, và 172 bài thơ của 46 tác giả trong Thi nhân Việt Nam, chúng tôi nhận thấy đều có sự xuất hiện của ẩn dụ ý niệm **TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI**. Tuy nhiên, hai luồng tư tưởng khác nhau tạo nên hai xu hướng thơ khác biệt về phong cách biểu đạt. Đây là một gợi ý để chúng tôi lựa chọn nghiên cứu ẩn dụ ý niệm **TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI** nhằm tìm ra nét riêng trong tư duy sáng tạo của các thi nhân ở hai giai đoạn sáng tác khác nhau khi cùng sáng tạo cùng một kiểu ẩn dụ ý niệm về tình yêu.

Bài nghiên cứu tập trung vào các vấn đề cụ thể sau:

- Khảo sát, thống kê các ẩn dụ ý niệm **TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI** trong thơ trung đại và thơ mới (Tuyển tập Thi nhân Việt Nam) và phân loại chúng vào các nhóm theo từng nội dung đã xác định.

- Phân tích một số ví dụ tiêu biểu cụ thể để làm sáng tỏ cách thức ý niệm hoá tình yêu của các thi nhân ở hai thời kì thơ khác nhau. Đồng thời chỉ ra được nét khác biệt tiêu biểu của tư duy thơ mang tính thời đại khi biểu đạt tình yêu.

3. Cơ sở lý thuyết

Các nhà ngôn ngữ học tri nhận chỉ ra rằng, ẩn dụ là một cơ chế tri nhận nhờ đó những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trù hóa được đánh giá lại trong những bối cảnh ý niệm mới. Cơ chế tri nhận của ẩn dụ ý niệm bao gồm hai miền **NGUỒN** và **ĐÍCH** tồn tại tiền giả định trong ý

thức của con người. Trong đó, những thuộc tính của miền NGUỒN ánh xạ, phóng chiếu lên miền ĐÍCH, chúng ta hiểu được miền Đích thông qua các ánh xạ được chiếu đến từ miền Nguồn. Thuộc tính của miền Nguồn thông qua các cơ chế sáng tạo ẩn dụ để cung cấp các nét nghĩa mới cho miền Đích. Trong *METAPHOR: A practical introduction* (Kövecses, 2002, tr.47-50), tác giả chỉ ra rằng các thủ pháp tạo lập ẩn dụ ý niệm trong thi ca dựa trên các ẩn dụ thường quy, đó là: *Mở rộng, Trau chuốt, Kết hợp, Đặt câu hỏi, Nhân hoá*. Qua khảo sát các biểu thức thơ có ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI trong thơ trung đại và thơ mới, chúng tôi thấy một số cơ chế tạo lập ẩn dụ ý niệm được sử dụng đó là:

- *Mở rộng*: Một số yếu tố mới trong miền nguồn được đưa vào các ánh xạ, từ đó mở rộng ẩn dụ dựa trên cơ sở các ẩn dụ thường quy.

- *Trau chuốt*: Một số yếu tố sẵn có của miền nguồn được tập trung mở rộng ra theo chiều sâu và mang lại cách nhìn mới mẻ, khác với cách nhìn truyền thống cho độc giả.

Cùng biểu đạt tình yêu qua ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI nhưng các tác giả của thời kì thơ trung đại và thơ mới lại có tư duy ý niệm hoá tình yêu một cách khác nhau. Sự khác biệt đó có thể là sự lựa chọn các yếu tố thuộc miền Nguồn để chiếu xạ đến miền Đích, cũng có thể đó là cách vận dụng cơ chế tạo lập ẩn dụ ý niệm để kiến tạo nên các biểu thức thơ tình yêu. Những nét khác biệt đó chính là “*Cơ sở so sánh hay gọi là cái nền so sánh (tertium comparationis - TC), cũng chính là trung tâm của sự so sánh*” (Bùi Mạnh Hùng, 2008, tr.2). Nội dung của viết được triển khai theo hướng nghiên cứu này.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi sử dụng những thủ pháp sau :

- Thủ pháp thống kê, phân loại được dùng để tổng hợp và phân loại những câu thơ có chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI trong thơ trung đại và thơ mới.

- Thủ pháp so sánh - đối chiếu được dùng để làm rõ nét tương đồng và khác biệt về tư duy sáng tác của các nhà thơ trong hai giai đoạn thơ khác nhau.

- Thủ pháp phân tích diễn ngôn được sử dụng để phân tích các biểu thức thơ có chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI theo từng giai đoạn xã hội, theo bối cảnh xã hội, không chỉ dừng ở câu chữ mà còn xem xét cách ngôn ngữ tạo dựng ý nghĩa, phản ánh bản sắc và hệ tư tưởng.

- Thủ pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng không chỉ để làm rõ cấu trúc của ẩn dụ ý niệm, cơ chế tạo lập ẩn dụ ý niệm mà còn giúp độc giả thấy được nét riêng trong quan niệm về tình yêu ở hai thời đại khác nhau, nhu cầu biểu đạt tình yêu với những nét riêng được biểu hiện theo tư duy từng thời đại.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Chất liệu kiến tạo miền nguồn

Một ẩn dụ ý niệm được kiến tạo bởi ba thành phần: miền Nguồn, các ánh xạ, miền Đích. Trong thơ trung đại và thơ mới, tư duy sáng tạo của các nhà thơ có sự khác biệt rõ rệt ngay từ việc lựa chọn chất liệu kiến tạo miền Nguồn trong các kiểu ẩn dụ ý niệm. Và ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI là một ví dụ tiêu biểu cho thấy sự khác biệt trong lựa chọn ấy.

**Bảng 1. Các phạm trù chất liệu kiến tạo miền Nguồn
trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI**

STT	Đối tượng	Thơ trung đại		Thơ mới	
		Số lượng/51	Tỉ lệ %	Số lượng/39	Tỉ lệ %
1	đồ vật	27	52,9	39	100
2	con người	18	35,3	0	0
3	thực vật	06	11,8	0	0
Tổng		51	100	39	100

Bảng tổng hợp cho thấy, với ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI, các tác giả thơ trung đại sử dụng chất liệu kiến tạo miền Nguồn bao gồm những ánh xạ thuộc phạm trù con người, phạm

trừ đồ vật, phạm trừ thực vật. Trong đó, các phạm trừ có sự phân bổ số lượng như sau: phạm trừ đồ vật có 27/51 biểu thức, chiếm 52,9%; phạm trừ con người có 18/51 biểu thức, chiếm 35,3%; phạm trừ thực vật có 06/51 biểu thức, chiếm 11,8%.

Đối với các nhà thơ mới, để tạo lập kiểu ẩn dụ này, các tác giả đã kiến tạo miền Nguồn từ các ảnh xạ thuộc một phạm trừ duy nhất: phạm trừ con người, để tạo thành các biểu thức thơ có chứa ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI*.

5.2. Các thuộc tính được chiếu xạ từ miền Nguồn đến miền Đích

Ẩn dụ ý niệm không chỉ là thủ pháp ngôn ngữ, mà còn là cách con người tư duy. Chúng ta thường dùng cái quen thuộc, cụ thể để diễn đạt cái trừu tượng, phức tạp. Đây là cơ chế nhận thức phổ quát, xuất hiện trong văn học, trong đời sống hằng ngày và cả trong khoa học. Các nhà thơ thơ trung đại và thơ mới cũng thiết lập các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm theo nguyên tắc ấy. Tuy nhiên, yếu tố thời đại đã tạo ra sự khác biệt về lối tư duy biểu đạt tình yêu giữa hai phong trào thơ này. Sự khác biệt đó được thể hiện qua các thuộc tính được chiếu xạ từ miền Nguồn đến miền Đích trong ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI* và được thể hiện qua bảng kết quả sau:

Bảng 2. Các thuộc tính được sử dụng để kiến tạo miền Nguồn trong ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI*

STT	Các thuộc tính được chiếu xạ từ miền Nguồn đến miền Đích					
	<i>Thơ trung đại</i>			<i>Thơ mới</i>		
	Yếu tố thuộc miền Nguồn	Số lượng/51	Tỉ lệ %	Yếu tố thuộc miền Nguồn	Số lượng/39	Tỉ lệ %
1	nàng	11	21,6	em	07	17,9
2	ta	08	15,7	anh	05	12,8
3	hoa	03	5,9	môi	05	12,8
4	hôn	02	3,9	hôn, linh hôn	04	10,3
5	thiếp	02	3,9	tôi	03	7,7
6	đất Bắc	02	3,9	tay	03	7,7
7	bê Nam	02	3,9	chàng	02	5,1
8	ai	01	2,0	nàng	02	5,1
9	người	01	2,0	thiếp	02	5,1
10	má đào	01	2,0	đôi lứa	02	5,1
11	đôi mắt	01	2,0	làn tóc	02	5,1
12	bóng	01	2,0	ai	01	2,6
13	lòng	01	2,0	vai	01	2,6
14	yêu thương	01	2,0	chân	01	2,6
15	tình ý	01	2,0	má	01	2,6
16	chăn gối	01	2,0	tắm lòng	01	2,6
17	gối yên	01	2,0	hơi thở	01	2,6
18	mộng phòng khê	01	2,0	-	-	-
19	sắt đánh	01	2,0	-	-	-
20	khúc đêm	01	2,0	-	-	-
21	năm canh	01	2,0	-	-	-
22	chén nguyệt	01	2,0	-	-	-
23	đào non	01	2,0	-	-	-

Bảng tổng hợp cho ta thấy, các thuộc tính được chiếu xạ từ miền Nguồn đến miền Đích trong ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI* trong thơ trung đại phong phú và đa dạng, quy tụ vào ba miền nguồn. Trong khi đó, các nhà thơ mới lại sử dụng chỉ sử dụng ngữ liệu của một miền Nguồn

duy nhất: con người. Điều đó cho thấy nét khác biệt trong tư duy thơ của hai thế hệ thơ xuất hiện ở hai thời kì khác nhau.

Với các nhà thơ trung đại, sự gần gũi trong tình yêu được các nhà thơ gọi tả để người đọc hiểu sự gần gũi là gần gũi trong khoảng cách, không phải tay bắt mặt mừng, ôm hôn đắm thiết. Chẳng hạn, sự gần gũi vợ chồng được nhắc đến một cách rất thực nhưng cũng rất tinh tế qua biểu tượng chăn gối - những đồ dùng luôn đi cùng nhau theo cặp.

Lấy chồng com tấm vải dầy, Sống thời chăn gối, thác rày thủy chung

(Tống Trân Cúc Hoa - t3, tr.1077)

Các nhà thơ thời kì này còn mượn hình ảnh cỏ cây hoa lá để nói đến sự hội ngộ, sự gần gũi của những người yêu nhau.

Đào non sớm nghĩ thơ lành,/ Vui vầy một hội, nức danh muôn đời.

(Truyện Hoa Tiên - t3, tr.444)

Đến thời kì thơ mới, các nhà thơ được đón dòng tư tưởng mới, mở, tiến bộ từ phương Tây tràn vào. Vì vậy, thơ ca xuất hiện của hình ảnh đôi tình nhân tay trong tay lơ đãng trên bãi biển - hình ảnh trước đây chưa hề có trong các sáng tác trong thời kì trung đại:

Khoác tay anh đi trên bãi cát/ Cát bãi, trắng soi màu trắng mắt

Nghiêng đầu lơ đãng vai anh/ Lắng nghe sóng bãi đưa dào dạt

(Bốn cái hôn - Đồng Hồ)

Ở một khung cảnh khác, người đọc càng thấy được hiện thực mang tính thời đại rõ ràng hơn nữa, hình ảnh cực kì chân thực, táo bạo.

Hãy buông lại gần đây làm tóc rối / Sát gần đây, gần nữa cặp môi diên

(Say - Vũ Hoàng Chương)

Trong hai câu thơ trên, tác giả cho thấy sự say đắm của nhân vật trữ tình đang hưởng thụ sự ngọt ngào và mê đắm trong tình yêu lứa đôi của họ.

Rõ ràng, hai thời đại khác nhau với hai luồng tư tưởng khác nhau tạo ra hai giai đoạn thơ ca mang màu sắc riêng khác nhau. Thơ ca thời đại nào mang luồng hơi thở của thời đại mà chúng được sinh ra. Nếu thơ trung đại là gọi tả, gọi để liên tưởng thì thơ mới là thực tả, tả để thực thấy.

5.3. Các trạng thái biểu hiện

Gần gũi là trạng thái gần nhau về quan hệ tinh thần, tình cảm, có quan hệ tốt, thường xuyên, thường xuyên tiếp xúc, hiểu rõ tâm tư tình cảm và cảm thông sâu sắc với nhau (Hoàng Phê, 2008, tr.474). Gần gũi trong tình yêu là trạng thái hai người cảm thấy gần bó, thấu hiểu và tin tưởng lẫn nhau ở cả phương diện tình cảm, thể xác và tinh thần. Sự gần gũi trong tình yêu chính là cầu nối giữa hai tâm hồn, giúp tình yêu không chỉ là cảm xúc thoáng qua mà trở thành sự gần bó bền vững. Các trạng thái gần gũi được các nhà thơ trung đại và các nhà thơ mới biểu đạt qua các biểu thức có chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI được chúng tôi tổng hợp qua sau:

Bảng 3. Các trạng thái biểu hiện xuất hiện trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI

STT	Trạng thái biểu hiện					
	Thơ trung đại			Thơ mới		
	Trạng thái	Số lượng/51	Tỉ lệ %	Trạng thái	Số lượng/39	Tỉ lệ %
1	thương nhớ	15	29,4	sát	03	7,7
2	tự tình	02	3,9	tình tự	02	5,1
3	thề	02	3,9	ngồi cạnh	02	5,1
4	đợi	02	3,9	tựa	02	5,1
5	liền	02	3,9	kề	02	5,1
6	gần	02	3,9	kiếm	02	5,1
7	nhớ	02	3,9	rung động	01	2,6
8	ghi lòng	02	3,9	chìm đắm	01	2,6
9	thủy chung	02	3,9	tìm	01	2,6

10	lồng	01	2,0	lời lá	01	2,6
11	bạc	01	2,0	khoác	01	2,6
12	đón	01	2,0	chạm	01	2,6
13	vui vầy	01	2,0	buông lại	01	2,6
14	về cùng	01	2,0	ngã	01	2,6
15	âu yếm	01	2,0	diu	01	2,6
16	dan díu	01	2,0	nằm	01	2,6
17	gắn bó	01	2,0	giữ	01	2,6
18	quần quýt	01	2,0	nhích lại	01	2,6
19	đay cùng	01	2,0	gỡ	01	2,6
20	mặc cùng	01	2,0	bồng	01	2,6
21	song song	01	2,0	quyển luyến	01	2,6
22	xa cách	01	2,0	ghẹo	01	2,6
23	chia ly	01	2,0	lần quất	01	2,6
24	trấn trọc	01	2,0	chung đôi	01	2,6
25	-	-	-	sầu	01	2,6
26	-	-	-	sum vầy	01	2,6
27	-	-	-	ân ái	01	2,6
28	-	-	-	nổi	01	2,6
29	-	-	-	chung đôi	01	2,6
30	-	-	-	không tiếng nói	01	2,6

Bảng tổng hợp cho thấy, các trạng thái biểu hiện của nhân vật trữ tình trong thơ trung đại qua ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI mang tính gợi tả nhẹ nhàng, còn trong thơ mới đó là biểu hiện của sự thực hoá các hành động cần có của con người một cách tự nhiên nhất, sinh động nhất trong tình yêu.

5.3.1. Sự gắn gũi về mặt thể chất

Với đội ngũ các nhà thơ trung đại, các tác giả sáng tác theo lối tư duy thơ ước lệ, tượng trưng mang hơi thở của tư tưởng nho giáo: khuôn phép, lễ nghĩa, cái tôi luôn gắn với cái ta chung. Vì vậy, tình yêu lứa đôi xuất hiện trong thơ ca trung đại không nhiều và gắn với khuôn lễ nghĩa. Với các nhà thơ mới, tư duy thơ của thời kì này là lối tư duy tả thực, mang đậm phong cách sáng tác cá nhân, không có một khuôn mẫu chung cho các sáng tác, cái tôi cá nhân và tình yêu đôi lứa được đề cao trong thơ. Phong cách sáng tác của các nhà thơ ở hai thời kì thơ này được thể hiện rõ nét qua tư duy tạo lập ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI.

Trong thơ trung đại, khi nói đến sự gắn gũi về mặt thể xác, các nhà thơ dùng cách nói hình ảnh mang tính gợi tả. Chẳng hạn:

Thề lòng dài bến hà châu/ Đợi nhau trên Bộc trong dâu ru mà !

(Truyện Hoa Tiên - t3, tr.445)

Hình ảnh *bến hà châu* và *trên Bộc trong dâu* gợi nhắc người đọc nhớ tới điển cố trong Kinh Thi (tuyển tập văn học dân gian) và Lễ Ký (tác phẩm ghi chép về nghi lễ, phong tục, quy tắc ứng xử... của người xưa) gợi nhắc đến chuyện hẹn hò, quần quýt của trai gái thời xưa. Bến hà châu là bãi bồi ven sông, sông Bộc là con sông chảy qua nước Vệ thời chiến quốc. Cả hai địa điểm này đều là nơi trai gái hẹn hò và quần lấy nhau. Với cơ chế mở rộng, tác giả đã mượn điển cố xưa để nói đến chuyện hẹn hò, âu yếm nhau của hai nhân vật Lương Sinh và Dao Tiên trong tác phẩm Truyện Hoa Tiên. Hai câu thơ chỉ gợi chứ không tả thực cho nên chuyện hẹn hò có yếu tố xác thật nhưng có tính chất gợi tả nhẹ nhàng chứ không hề thô thiển.

Vẫn là lối diễn đạt mượn mây để đẩy trắng, tác giả cũng nói đến sự gắn gũi của cặp tình nhân qua những hình ảnh quen thuộc, gắn gũi gắn với cuộc sống của các cặp vợ chồng.

Tràng đình, đêm mãi mộng phòng khuê/ Chuyện dưới đèn xanh hằng quán quýt

(Giữa mùa hè nghe tin dữ chôn phòng khuê - t3, tr.604)

Biểu hiện gần gũi của đôi tình nhân xuất hiện trong câu thơ trên được thể hiện qua *mộng phòng khuê* với hành động *quán quýt*. *Mộng phòng khuê* chính là ước muốn chần gối trong mơ của nhân vật trữ tình. Cơ chế mở rộng giúp người đọc liên tưởng tới chuyện quan hệ nam nữ qua sự gợi tả nhẹ nhàng. Đó là tư duy của các nhà thơ trung đại nói chung, tư duy thơ ước lệ, tương trưng, mang hơi thở của tư tưởng phong kiến.

Với thơ mới, tinh thần thời đại đã thổi vào tâm hồn các nhà thơ tinh thần khác biệt với thời kì trước: Đó là sự tươi mới, sự cởi mở, sự dạn dĩ, thơ là sự hiện thực hoá sinh động của đời sống con người. Chẳng hạn:

Tôi kể môi nàng chạy kiếm làn môi/ Lời tôi lặn trên môi nàng rung động

(Chiều buồn - Phạm Hài)

Rất rõ ràng, nói đến sự gần gũi thể xác, các nhà thơ mới nói: hôn là *kể môi nàng chạy kiếm làn môi* chứ không phải là *trên bệ trong đầu*, không phải là *dãi bển hà châu*. Sự gần gũi là cặp môi của đôi tình nhân hoà vào làm một, môi quện môi: *Lời tôi lặn trên môi nàng rung động*. Không xa xôi bóng gió, các nhà thơ mới mang đến cho người đọc những cử chỉ, động tác, trạng thái chân thực của con người, thơ rất đời. Với cơ chế trau chuốt, nhà thơ đã khiến cho hành động đời thường trở nên lãng mạn hơn, thơ hơn, điện ảnh hơn làm tăng giá trị biểu đạt cho lời thơ.

Với nhà thơ Đông Hồ, cũng nói đến sự âu yếm của đôi tình nhân, sự nên thơ của tình yêu đôi lứa, nhà thơ mới để nhân vật trữ tình của mình xuất hiện một cách chân thực, tự nhiên theo cảm xúc vốn có của con người.

Như cơn gió biển thoảng bay qua/ Rời luồng điện ấm chạy trên má

Án ái môi anh khẽ nhẹ nhàng/ Nũng nịu em ngả vào vai anh

(Bốn cái hôn - Đông Hồ)

Sự va chạm cặp môi của đôi tình nhân đã tạo ra phản ứng cơ thể một cách rất tự nhiên như nó vốn có: “*Rời luồng điện ấm chạy trên má*”. Tác giả thơ mới diễn tả chân thực những xúc cảm, những rung động của con người từ những thay đổi nhỏ nhất trong cơ thể mà người ngoài không nhìn thấy được: những phản ứng sinh học, đến những biểu hiện cụ thể mà người xung quanh đều nhìn thấy: hành động ân ái môi kẻ môi nhẹ nhàng, nũng nịu đầu ngả ghì lên vai. Trong khổ thơ này, nếu như cơ chế trau chuốt khiến cho các cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thăng hoa hơn thì cơ chế kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI và VA CHẠM CƠ THỂ LÀ CHẤT XÚC TÁC MẠNH (*Rời luồng điện ấm chạy trên má*) đã giúp cho tình yêu của cặp tình nhân bùng lên nồng cháy hơn bao giờ hết.

Có thể thấy rằng, nếu trong thơ trung đại, sự gần gũi về mặt thể chất chỉ được gợi tả, đó là sự mơ hồ, gợi mở thì trong thơ mới sự gần gũi này được tả thực, đó là sự hoà trộn của thân thể.

5.3.2. Sự hoà hợp về mặt tâm hồn

Tình yêu không chỉ đòi hỏi sự hoà hợp về thể chất mà cao hơn thế còn là sự hoà hợp về mặt tâm hồn của đôi tình nhân. Trong thơ trung đại và thơ mới, các tác giả của hai phong trào thơ này đều biểu đạt sự gần gũi về mặt tâm hồn trong tình yêu thể hiện qua ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI nhưng có sự khác biệt về cách thức thể hiện.

Với thơ trung đại, vẫn là lối ước lệ tượng trưng, các nhà thơ sử dụng hình ảnh thiên nhiên, cảnh vật để nói đến trạng thái tồn tại của tình yêu.

Hội này người hợp trăng tròn./ Niềm son giải một chén son cùng thể

(Truyện Hoa Tiên - t3, tr.444)

Ở ví dụ này, cơ chế mở rộng tiếp tục được sử dụng. Trăng tròn là biểu tượng cho sự tròn trịa, viên mãn. Đặc điểm này của vàng tăng được dùng để chỉ sự trọn vẹn, viên mãn của tình yêu. Không chỉ dừng lại ở mặt hình thức, lời thơ còn cho thấy sự hoà hợp về mặt tinh thần của đôi tình nhân: *Niềm son giải một chén son cùng thể*. Niềm son là niềm tin vào sự thủy chung son sắt của tình yêu đôi lứa. Chén son - chén rượu giao bôi, là hình ảnh tượng trưng cho thể nguyên cùng gắn bó, đồng cam cộng

khô của đôi tình nhân. Từ *niềm son* đến *chén son cùng thể* là một quá trình đồng hành đủ dài để cả hai cá thể hoà thành một bản thể duy nhất. Đó là sự biểu hiện cao nhất cho sự gắn gũi không chỉ về mặt thể chất mà còn hoà hợp về mặt tinh thần của đôi tình nhân.

Ở cuối thời kì trung đại, thơ ca đã xuất hiện những biểu hiện của yếu tố mới. Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, độc giả đã bắt gặp hình ảnh sánh vai đi cùng nhau của cặp đôi Kim - Kiều. Tuy nhiên, phong cách thơ vẫn là lối ước lệ tượng trưng. Cơ chế mở rộng cũng được sử dụng để biểu đạt trạng thái tồn tại trong tình yêu:

Sánh vai về chốn thư hiên/ Ngâm lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông.

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Câu thơ cho thấy sự tiến triển về mặt tình cảm của đôi tình nhân từ việc cùng nhau ngâm thơ: *Ngâm lời phong nguyệt* đến lời thề kết tóc xe duyên: *nặng nguyên non sông*. Ở đây, tác giả không nói thẳng đôi tình nhân đang nói chuyện để tìm hiểu nhau mà mượn hình ảnh *lời phong nguyệt* để nói đến chuyện này. Đồng thời, chuyện gắn kết đời đời kiếp kiếp của hai người cũng được thể hiện thông qua hình ảnh *nặng nguyên non sông* - lời thề gắn kết của đôi tình nhân tồn tại vĩnh cửu cùng sự trường tồn của đất nước.

Đến thời kì thơ mới, cơ chế trau chuốt được các tác giả sử dụng để tạo lập ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI. Chẳng hạn, trong thơ Chế Lan Viên, sự gắn gũi được thể hiện trực tiếp bằng sự va chạm cơ thể của đôi tình nhân:

*Ta cùng Nàng nhìn nhau không tiếng nói/ Sự lời than lay đổ cả đêm sâu
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối/ Đôi linh hồn chìm đắm bể u sầu*

(Đêm tàn - Chế Lan Viên)

Chúng ta đều biết, hơi thở là biểu trưng cho sự sống của con người. Tuy nhiên, trong ví dụ này, nhà thơ dùng hơi thở không chỉ nói đến sự sống của con người mà còn nói đến sự gắn gũi về mặt thân thể của đôi tình nhân: *Đôi hơi thở tìm nhau*. Hơi thở của con người khi được kết đôi với nhau lại có ý nghĩa biểu trưng mới: Sự gắn gũi, sự âu yếm của hai người yêu nhau. Đôi hơi thở cũng chính là vũ khúc của tình yêu. Sự hoà quyện của *đôi hơi thở* còn là minh chứng sống động cho sự hoà hợp của hai tâm hồn: *Đôi linh hồn chìm đắm bể u sầu*. Họ vui buồn có đôi, cùng nhau san sẻ.

Với Huy Cận, sự hoà hợp tâm hồn không phải để cùng chìm đắm trong u sầu mà là cùng nhau tận hưởng, cùng nhau thăng hoa.

*Chân bên chân, hồn bên hồn, yên lặng/ Người cùng tôi đi giữa đường rải nắng
Trí vô tư cho da thở hương tình /Người khẽ nắm tay, tôi khẽ nghiêng mình*

(Đi giữa đường thơm - Huy Cận)

Sự gắn gũi về thể chất ở ví dụ này được thể hiện rất rõ qua các cụm từ: *chân bên chân, hồn bên hồn, người cùng tôi đi, nắm tay*. Nếu chỉ dừng lại ở những cụm từ này thì sự hoà hợp về mặt tâm hồn của đôi tình nhân chưa thực sự được khắc hoạ rõ nét. Câu thơ: *Trí vô tư cho da thở hương tình* cho thấy độ sâu đậm trong tình yêu của nhân vật trữ tình: Chỉ có sự hoà hợp về mặt tâm hồn mới tạo nền cho tình yêu thăng hoa để toả *hương tình*. Như vậy, qua tư duy thơ sáng tạo của tác giả, những hình ảnh *chân bên chân, hồn bên hồn, nắm tay* được không chỉ thể hiện sự gắn gũi về thể chất mà còn góp phần khắc hoạ sự gắn gũi về mặt tâm hồn của nhân vật trữ tình. Sự kết hợp của ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI và ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÙI HƯƠNG giúp lời thơ giàu hình ảnh hơn, sinh động hơn và đậm chất tình hơn.

6. Kết luận

Nếu thơ trung đại được sáng tác theo khuôn văn dĩ tải đạo thì thơ mới được lại được sáng tác theo lối văn dĩ tải tình. Nếu như thơ trung đại là tiếng nói của khuôn trung hiếu tiết nghĩa chung của cả xã hội thì thơ mới là tiếng nói tự nhiên, tự do, tự tại của cái tôi cá nhân. Có thể nói, hai xu hướng sáng tác có sự khác biệt rất rõ nét mang tư duy đặc trưng của thời đại: tư duy khuôn khổ, tư duy khép và tư duy tự do, tư duy mở. Điều này thể hiện rất rõ qua cách ý niệm hoá tình yêu mà ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN GỬI là một trong những ví dụ tiêu biểu cho nét khác biệt này.

Qua tìm hiểu ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỰ GẦN GŨI, độc giả thấy được các nhà thơ trung đại sử dụng thuộc tính miền Nguồn của các vật dụng gắn bó mật thiết với con người trong cuộc sống hằng ngày để chiếu xạ đến miền Đích. Chẳng hạn, vận dụng cơ chế mở rộng, các tác giả đã lấy hình ảnh như chăn gối để gợi đến đời sống gần gũi vợ chồng, nói về sự nhớ nhung chung thủy, hình ảnh cây trúc, cây mai, cây đào... được dùng để nói đến sự hội ngộ nhân duyên. Trong khi đó, với cơ chế trau chuốt và kết hợp, các nhà thơ mới đã thực hoá hành động gần gũi bằng các biểu hiện cụ thể như sự gần gũi là *khoác tay, lời lá dựa đầu vào vai, dịu nhau*,... đời sống chăn gối được cụ thể hoá bằng hành động: *đôi hơi thở tìm nhau, cặp môi sát gần nhau, sát đôi đầu kề đôi ngực*,... Có thể nói rằng, thơ ca cũng là một trong những thành phẩm của thời đại, không chỉ phản ánh tư duy cá nhân của người sáng tác mà còn phản ánh tư duy của thời đại khi tác phẩm ra đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động xã hội.
2. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Thị Hương (2023), *Ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong truyện ngắn Anh - Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ so sánh đối chiếu, Học viện KHXH - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.
4. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt (tái bản 2003)*, Nxb Đà Nẵng.
5. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Phương Đông.
6. Lê Quang Thiêm (2008), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

7. Kövecses, Z. (2002), *METAPHOR: A practical Introduction*, Oxford University Press.
8. Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live By*. The University of Chicago Press, Chicago.

NGŨ LIỆU

- [1] Thi nhân Việt Nam (2023), Nxb Văn học.
- [2] Hợp tuyển Văn học Trung đại Việt Nam (thế kỉ X - XIX) tập I, II, III (2009), Nxb Giáo dục.

Distinctive cognitive features in medieval poetry and modern poetry as manifested through the conceptual metaphor “LOVE IS CLOSENESS”

Abstract: The article explores the conceptualization of love by medieval poets and modern poets as expressed through the conceptual metaphor LOVE IS CLOSENESS. Through out, the article also points out the distinctive features in the thinking of medieval poetry and modern poetry as reflected in this conceptual metaphor. The research results show that medieval poetry tends to describe love in a conventional, symbolic style, while modern poetry emphasizes direct personal emotions and individualizes the poetic style.

Key words: Conceptual metaphor; love; poetry; source domain; target domain; “LOVE IS CLOSENESS”.